



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN VIỆT**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2014



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

- 1. Thông tin khái quát và quá trình hoạt động**
- 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**
- 3. Tổ chức mạng lưới kinh doanh**
- 4. Mô hình tổ chức bộ máy**
- 5. Định hướng phát triển**
- 6. Các rủi ro liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh**

II. MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NĂM 2014

- 1. Môi trường đầu tư**
- 2. Triển vọng đầu tư 2015**

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2014

- 1. Tình hình hoạt động kinh doanh**
- 2. Tình hình nhân sự**
- 3. Tình hình tài chính**
- 4. Cơ cấu cổ đông**

IV. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

- 1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc**
- 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động Công ty năm 2014**
- 3. Báo cáo tài chính năm 2014**





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN VIỆT
117 Quang Trung, Tp.Vinh, Nghệ An

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

Vinh, ngày 31 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT** **- NĂM 2014 -**

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

1. Thông tin khái quát và quá trình hoạt động

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (gọi tắt là VSC) là Công ty Cổ phần do Ngân hàng TMCP Bắc Á cùng với các cổ đông khác sáng lập. Công ty ra đời với mục đích cung cấp các sản phẩm dịch vụ về chứng khoán và kinh doanh chứng khoán. Đối tượng phục vụ là các nhà đầu tư cá nhân, các tổ chức trong nước và nước ngoài.

Tên giao dịch	Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Việt
Tên viết tắt	VSC
Địa chỉ	117 Đường Quang Trung, Thành Phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
Điện thoại	038.3837606
Fax	038.3588271
Email	<u>vsc.viet@gmail.com</u>
Website:	<u>www.viseco.vn</u>

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001024, do Sở kế hoạch Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 23/10/2006.

Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 19/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27/10/2006.

Vốn điều lệ ban đầu: **9.750.000.000 đồng**



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

Vốn điều lệ điều chỉnh tăng lần 1: 37.500.000.000 đồng

Thành viên của Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội - Nay là sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số: 113/QĐ - TTGDHN ngày 25/12/2006;

Thành viên của Trung tâm Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh - Nay là Sở GDCKHCM - theo Quyết định số 23/QĐ - TTGDHCM ngày 23/01/2007;

Thành viên Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (mã thành viên: 023);

Hội viên Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam;

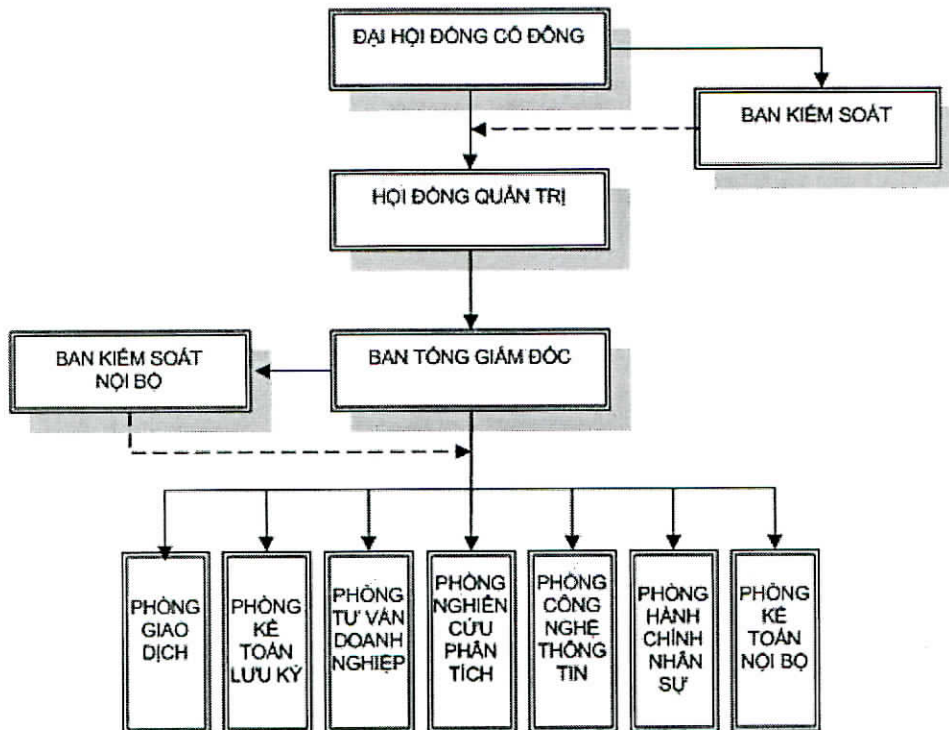
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Công ty được cấp phép hoạt động với các ngành nghề kinh doanh như sau:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán

Công ty có trụ sở chính đặt tại tòa nhà số 117 Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Công ty đang trong quá trình triển khai để thành lập chi nhánh tại Hà Nội.

3. Mô hình tổ chức bộ máy





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

Đại hội đồng cổ đông:

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của VSC, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ VSC quy định, các cổ đông sẽ thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, ngân sách tài chính và kế hoạch kinh doanh của năm tiếp theo.

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty, đại diện cho Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội cổ đông, điều lệ công ty và các quy định nội bộ.

Ban kiểm soát

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

Ban Tổng giám đốc

Là bộ phận trực tiếp điều hành mọi hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về quyền và nhiệm vụ được giao. Hiện tại ban Tổng Giám đốc của VSC có 2 người; Tổng giám đốc điều hành chung các hoạt động kinh doanh của Công ty, Phó tổng giám đốc phụ trách về mảng hành chính và nhân sự.

Ban kiểm soát nội bộ giám sát hoạt động của các phòng ban, mỗi phòng ban đảm nhiệm các công việc theo đúng chuyên môn đảm bảo cho Công ty hoạt động an toàn và hiệu quả nhất.

4. Định hướng phát triển

Với mong muốn phát triển ổn định và bền vững, Công ty luôn đặt uy tín lên hàng đầu, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty theo hướng minh bạch, hiệu quả và hài hòa lợi ích của tất cả các bên liên quan, đưa VSC trở thành một thành viên đáng tin cậy của thị trường.

Chủ trương duy trì và chăm sóc tốt cho khách hàng hiện tại, thu hút và ưu đãi để khai thác nguồn khách hàng tương lai;

Không ngừng cải tiến các nghiệp vụ kinh doanh để nâng cao uy tín và sự chuyên nghiệp - là chìa khóa để thu hút và giữ chân khách hàng;

Thiết lập hệ thống cơ cấu tổ chức của Công ty theo hướng chuyên môn hóa, có sự phân công phân cấp rõ ràng; nâng cao chất lượng các dịch vụ cốt lõi như môi giới, tư vấn đầu tư chứng khoán; nâng cao vai trò của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm soát rủi ro; tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; cải thiện và đổi mới công tác quản trị.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

Về quy mô: Định hướng mở rộng các chi nhánh khu vực lân cận, trước mắt là chi nhánh Hà Nội đang trong giai đoạn chuẩn bị về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đường truyền để trong năm tới đi vào hoạt động.

Về công nghệ: đẩy mạnh hoạt động giao dịch trực tuyến; xây dựng trang thông tin điện tử chuyên nghiệp, cung cấp các công cụ phân tích chuyên nghiệp, đảm bảo chất lượng thông tin công bố; xây dựng và nâng cấp hệ thống theo những công nghệ mới.

Đảm bảo hoạt động ổn định, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.

5. Các rủi ro liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong hơn 7 năm thành lập và hoạt động, VSC luôn đặt mục tiêu uy tín lên hàng đầu, luôn phấn đấu nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Bên cạnh việc phát triển hoạt động kinh doanh VSC luôn xác định quản trị rủi ro nội bộ là một trong những nhiệm vụ thiết yếu, làm nền tảng cho các dịch vụ an toàn, uy tín cho khách hàng. VSC cam kết sẽ không thực hiện các nghiệp vụ trái với các luật lệ, thông lệ, tuân thủ các nguyên tắc hoạt động chuẩn mực của thị trường, tuân thủ các Quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. VSC sẽ tiếp tục nỗ lực để đảm bảo an toàn tài chính và trở thành một địa chỉ tin cậy cho nhà đầu tư và khách hàng.

VSC đặt ra các rủi ro có thể gặp phải trong quá trình hoạt động và có biện pháp kiểm soát hợp lý để ngăn chặn và kiểm soát tốt nhất.

Rủi ro hoạt động là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống, quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp hoặc rủi ro do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ những khoản chi phí hoặc rủi ro do các nguyên nhân khách quan khác, cụ thể một số trường hợp như: như nhân viên gian lận, môi giới giả mạo chữ ký khách hàng, đặt nhầm lệnh.. Công ty đã xây dựng quy trình kiểm soát rủi ro và luôn kiểm soát chặt chẽ quá trình hoạt động nhằm hạn chế những rủi ro có thể xảy ra.

Rủi ro về thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu của khách hàng, phải thu khác, tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản nợ phải trả. Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho mục đích quản lý rủi ro của Công ty.

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền ở mức độ hợp lý đủ để hỗ trợ tài chính cho hoạt động thanh toán bù trừ của Công ty và để giảm thiểu những thay đổi các luồng tiền.

Hoạt động trong thị trường chứng khoán với hệ thống pháp luật đang trong giai đoạn hoàn thiện, văn bản pháp luật mới liên tục được ban hành, Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản mới trong lĩnh vực chứng khoán và những lĩnh vực có liên quan. Bên cạnh đó Công ty không ngừng nâng cao kiến thức về



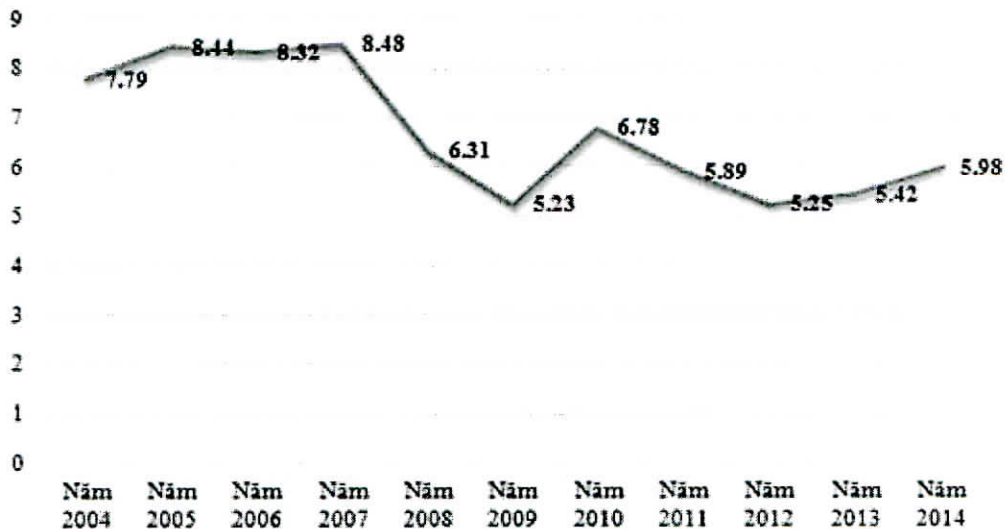
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

pháp luật cho cán bộ công nhân viên..Nhờ đó Công ty hạn chế được các vấn đề rủi ro liên quan đến Pháp luật.

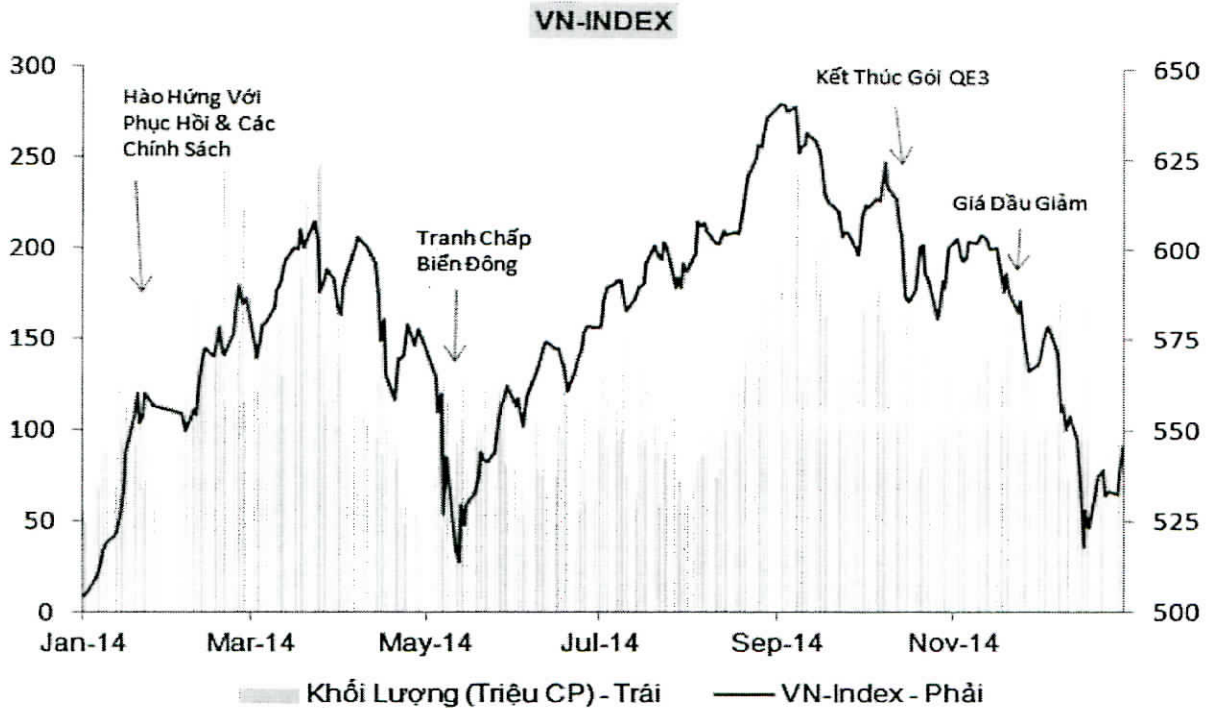
II. MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NĂM 2014

1. Môi trường đầu tư

Theo số liệu do Tổng Cục Thống kê công bố, năm 2014 là năm đầu tiên trong kế hoạch 5 năm (2011-2015) kể từ 2011 đến nay, tăng trưởng kinh tế không chỉ về đích mà còn vượt kế hoạch. So với kế hoạch chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế 5,8% mà Quốc hội đưa ra thì năm 2014 đạt 5,98% quả là con số đáng mừng cho nền kinh tế Việt Nam. Mức tăng trưởng năm 2014 cao hơn mức tăng trưởng 5,25% của năm 2012 và 5,42% của năm 2013 cho thấy dấu hiệu tích cực của nền kinh tế trước bối cảnh chính trị có nhiều bất ổn khi Trung Quốc hạ đặt giàn khoan trái phép HD 981 trong vùng đặc quyền kinh tế lãnh thổ Việt Nam. Mức tăng trưởng có dấu hiệu hồi phục này đã giúp cho nền kinh tế vĩ mô có được sự ổn định - mục tiêu mà Việt Nam theo đuổi trong nhiều năm nay, đặc biệt là sau khi lạm phát lên tới trên 20% trong năm 2008 - năm đầu tiên Việt Nam chịu tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Con số tăng trưởng 5,98% được Tổng Cục Thống kê chính thức công bố thực sự là một con số ấn tượng.



Điểm dễ nhận thấy trên TTCK 2014 là thanh khoản thị trường có sự cải thiện rõ rệt. Quy mô giao dịch bình quân của mỗi phiên đạt 5500 tỷ đồng, tăng 104% so với năm 2013. Trong đó, giá trị giao dịch bình quân của cổ phiếu và chứng chỉ quỹ là 2969 tỷ đồng/phiên (tăng 116%); Giá trị giao dịch bình quân của trái phiếu là 2531 tỷ đồng/phiên (tăng 93%)



Nguồn: Bloomberg, VFM

2. Triển vọng đầu tư 2015

Kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định và tăng trưởng tốt nhờ thực hiện các chính sách điều hành đúng hướng, đồng bộ trong nước và sự thuận lợi của mặt bằng giá cả hàng hóa thế giới. Cụ thể: GDP ước tính tăng vượt dự kiến đạt 5,98%, sản xuất công nghiệp tăng mạnh, lạm phát duy trì ở mức thấp, tỷ giá ổn định, dự trữ ngoại hối tăng, tổng mức bán lẻ cải thiện, đầu tư FDI giải ngân vẫn tăng khá và mặt bằng lãi suất tiếp tục giảm. Năm 2014 đã được đánh giá rất thành công và xứng đáng là năm “bản lề” để kéo nền kinh tế vào quỹ đạo tăng trưởng cao như giai đoạn từ 2001-2007. Tuy nhiên tốc độ tăng trưởng những năm tiếp theo sẽ phụ thuộc khá nhiều vào tốc độ tái cơ cấu nền kinh tế, cơ cấu Doanh nghiệp nhà nước và giải quyết nợ xấu. GDP được Chính phủ đặt mục tiêu 6,2% (dự báo đạt khoảng 6%-6,2%) đây là cơ sở quan trọng nhận định thị trường chứng khoán có sự tăng trưởng và giao dịch sôi động trong năm 2015. Cùng với lãi suất duy trì ở mức thấp, giá dầu giảm mạnh trên 50% sẽ tác động tích cực lên kết quả kinh doanh nhiều công ty niêm yết, mở ra nhiều cơ hội mới trong năm 2015. Giá dầu giảm cũng kéo theo nhiều loại hàng hóa, nguyên liệu phụ liệu trên thế giới giảm. Chi phí sản xuất giảm tạo điều kiện cho các Doanh nghiệp cải thiện kết quả kinh doanh. Quá trình này cũng sẽ làm hồi sinh nhiều



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

ngành phục hồi chậm hơn so với diễn biến thị trường như Vận tải, tác động rõ rệt với những ngành sử dụng sản phẩm có nguồn gốc từ dầu mỏ và gas mang lại những cơ hội mới cho thị trường. Mặt bằng giá của thị trường có điều kiện được đẩy lên trong năm 2015.



III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2014

1. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2014

Một số chỉ tiêu phản ánh tình hình hoạt động của VSC trong 3 năm gần đây:

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Tăng trưởng 2014/2013 (%)
Tổng tài sản	43.516.394.426	49,033,797,581	43,726,921,767	-10.82
Vốn chủ sở hữu	41,249,118,764	41,683,985,517	41,786,073,134	0.25
Vốn điều lệ	37,500,000,000	37,500,000,000	37,500,000,000	0



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

Doanh thu	5,658,093,360	5,240,891,791	5,697,950,622	8.72
LN trước thuế	1,097,764,697	591,296,842	347,321,079	-41.26

Năm 2014 có thể là năm bản lề cho sự tăng trưởng trở lại của Thị trường khi chạm đỉnh 644 điểm sau gần 6 năm. Doanh thu của Công ty từ đó được cải thiện, mức tăng trưởng doanh thu cuối kỳ đạt 8.72% so với năm ngoái. Tuy nhiên Lợi nhuận trước thuế vẫn bị giảm một phần đáng kể, nguyên nhân là do chi phí lãi vay tăng so với các năm trước đó.

2. Tình hình nhân sự

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VSC có 3 thành viên trong Hội đồng quản trị bao gồm:

1. Bà Thái Thị Nga - Chủ tịch HĐQT
2. Bà Thái Hương - Phó chủ tịch HĐQT
3. Ông Đặng Thái Nguyên - Ủy viên HĐQT

Bà Nga có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, bà đã tham gia và đảm nhiệm các chức vụ quan trọng như Phó Trưởng phòng tín dụng Ngân hàng TMCP Bắc Á, Phó giám đốc Công ty cổ phần xây dựng, thương mại và dịch vụ Vạn Niên. Hiện nay bà đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán Việt.

Bà Thái Hương đã có gần 20 năm kinh nghiệm làm việc trên thị trường tài chính ngân hàng, bà đã từng đảm nhiệm các công việc: Cán bộ Ban Tài chính và vật giá Hải Phòng; Cán bộ Công ty vật liệu và chất đốt Nghệ Tĩnh; Giám đốc công ty TNHH Hương Hà. Hiện nay Bà đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc á và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần chứng khoán Việt.

Ông Nguyên đã nhiều năm tham gia vào thị trường tài chính, ông đã từng đảm nhiệm các công việc: Trưởng phòng Đầu tư và Chứng khoán Ngân hàng TMCP Bắc á; Giám đốc ngân hàng TMCP Bắc á chi nhánh Thanh Hóa, Từ cuối năm 2006 Ông là Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Việt.

THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Việt có 2 thành viên

1. Ông Đặng Thái Nguyên - Tổng Giám đốc
2. Ông Vũ Văn Tâm - Phó Tổng giám đốc



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

Ông Tâm là tiến sĩ kinh tế, chuyên gia trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, trước khi đảm nhiệm vị trí Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Việt, ông Tâm giữ vị trí Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần đầu tư An Lạc.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Ông Thái Doãn Sơn - Trưởng Ban kiểm soát
2. Ông Nguyễn Hà Nam - Thành viên Ban kiểm soát - Cử nhân kinh tế
3. Bà Trương Thị Kim Thu - Thành viên Ban kiểm soát - Cử nhân kinh tế

Ông Sơn là cử nhân kinh tế chuyên ngành Quản trị kinh doanh, hoạt động nhiều năm trong lĩnh vực ngân hàng. Hiện tại Ông là Phó Tổng giám đốc ngân hàng TMCP Bắc á kiêm Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần chứng khoán Việt.

Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty. Hội đồng quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược, kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Tổng giám đốc.

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình triển khai hoạt động kinh doanh, quản trị của Công ty hàng tháng và khi có những phát sinh đột xuất.

Ban Tổng giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty dựa vào điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tuân thủ các quy định của nhà nước, các quy trình, quy chế của Công ty.

Nhận định năm 2012 kinh tế còn nhiều khó khăn, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã có những định hướng và những bước đi phù hợp nhờ đó Công ty tránh được những tổn thất do thị trường biến động xấu, không phát sinh bất cứ vấn đề tranh chấp nào liên quan đến hoạt động của Công ty, luôn duy trì được tỷ lệ đảm bảo an toàn tài chính, lợi nhuận tăng trưởng 50,61% so với năm 2011.

Hoạt động của Ban kiểm soát

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Quy chế hoạt động và Điều lệ Công ty. Trong năm 2014 Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

Lập kế hoạch kiểm tra giám sát hàng tháng, hàng quý, phân công trách nhiệm đến từng thành viên Ban kiểm soát; đóng góp ý kiến với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh doanh của Công ty;

Kiểm tra giám sát tính hợp pháp, trung thực trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán, báo cáo tài chính;



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy trình, quy định về quản lý rủi ro cũng như việc tuân thủ pháp luật trong các hoạt động kinh doanh của Công ty, đưa ra những kiến nghị nhằm nâng cao hoạt động của các bộ phận, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty;

Phân tích đánh giá hoạt động kinh doanh, đưa ra các biện pháp chấn chỉnh, khắc phục sai phạm, hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh;

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng số nhân viên: Tổng toàn bộ số cán bộ nhân viên trong công ty là 12 lao động. Trong đó, có 8 người đã được cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán.

Toàn bộ các cán bộ nhân viên trong công ty đều được ký kết hợp đồng lao động, hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, và các chế độ khác theo quy định của luật lao động. Chế độ về các ngày nghỉ lễ, nghỉ tết trong năm được hưởng theo đúng quy định của nhà nước. Hàng năm, công ty có chế độ đi du lịch và nghỉ mát định kỳ, nhằm mang đến cho người lao động trong toàn đơn vị tinh thần thoải mái và sức khỏe tốt. (Chi tiết, tham khảo tại website: www.viseco.vn).

3. Tình hình tài chính

- Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% Tăng (giảm)
Tổng giá trị tài sản	49,033,797,581	43,726,921,767	-10.82
Doanh thu thuần	5,240,891,791	5,697,950,622	8.72
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	591,296,842	347,321,079	-41.26
Lợi nhuận khác	-338,401	-	100
Lợi nhuận trước thuế	590,958,441	347,321,079	-41.23
Lợi nhuận sau thuế	472,766,753	277,856,863	-41.23

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

	<i>Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)</i>	6.287	20.024
	<i>Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-HTK)/Nợ NH</i>	6.287	20.024
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	<i>Hệ số Nợ/Tổng tài sản</i>	0.15	0.044
	<i>Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu</i>	0.176	0.046
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	<i>Doanh thu thuần/ Tổng tài sản</i>	0.107	0.13
4	Chỉ tiêu khả năng sinh lời		
	<i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>	0.09	0.05
	<i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản</i>	0.01	0.0064
	<i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH</i>	0.011	0.0067
	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DT thuần</i>	0.113	0.061

4. Cơ cấu cổ đông

Cổ phần: 3.750.000 cổ phần (Ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn cổ phần mệnh giá 10.000đ/cổ phần).
Trong năm 2012 không có sự thay đổi nào về vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Chi tiết cơ cấu cổ đông

STT	Cổ đông	Vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ
	Tổ chức		
1	Ngân hàng TMCP Bắc Á	4.000.000.000	10,67%
	Cá nhân		
1	Thái Thị Nga	4.000.000.000	10,67%



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

2	Thái Hương	4.000.000.000	10,67%
3	Đặng Thái Nguyên	4.000.000.000	10,67%
4	Thái Doãn Sơn	4.000.000.000	10,67%
5	Trương Thị Kim Thư	4.000.000.000	10,67%
6	Hồ Thị Vinh	4.000.000.000	10,67%
7	Nguyễn Hà Nam	2.000.000.000	5,33%
8	Nguyễn Trọng Trung	3.200.000.000	8,53%
9	Thái Thị Lương	2.800.000.000	7,46%
10	Thái Doãn Lộc	1.000.000.000	2,66%
11	Trần Thanh Tùng	500.000.000	1,33%
	Cộng	37.500.000.000	100%

IV. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

Năm bất được tình hình của nền kinh tế, Ban Tổng giám đốc định hướng để Công ty duy trì ổn định và phát triển bền vững các hoạt động chính như môi giới, tư vấn và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán. Trong năm 2014, công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý rủi ro, đảm bảo không có sự thay đổi về mặt tổ chức nhân sự, duy trì khách hàng thường xuyên và phát triển thêm khách hàng mới.

Bước sang năm 2015, nghiệp vụ môi giới chứng khoán vẫn sẽ là một nghiệp vụ chính của Công ty cổ phần chứng khoán Việt. Công ty chú trọng đẩy mạnh phát triển đội ngũ nhân viên môi giới chứng khoán, tập trung về mặt chất lượng, bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp và kinh nghiệm chuyên môn nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu khách hàng, làm cho khách hàng luôn cảm thấy hài lòng khi đến với Công ty. Bên cạnh đó Công ty cũng có kế hoạch đầu tư nâng cấp hệ thống để phù hợp với sự đổi mới phát triển của thị trường và mở thêm 1 số chi nhánh, văn phòng đại diện mới.





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty trong năm 2014

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2014 đã có những diễn biến khả quan nhờ vào những tín hiệu ổn định kinh tế vĩ mô; các giải pháp vĩ mô đã dần phát huy tác dụng và các giải pháp tích cực trong lĩnh vực chứng khoán. Với sự phục hồi và tăng trưởng của thị trường với mức thanh khoản duy trì ổn định đến hiện tại. Năm 2015 hứa hẹn là năm Thị trường gặp nhiều song gió và khả năng chinh phục những mốc cao mới, doanh thu từ hoạt động kinh doanh của công ty kỳ vọng sẽ tăng mạnh, bên cạnh đó thì phương châm hoạt động chủ đạo của Công ty là bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, nhà đầu tư và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

Trong dài hạn Hội đồng quản trị đặt ra kế hoạch phát triển như sau:

- Đào tạo và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên
- Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng công nghệ, đa dạng hóa các dịch vụ hỗ trợ nhà đầu tư.
- Mở rộng thị phần đối với hoạt động môi giới
- Đầu tư công nghệ thông tin đảm bảo sự ổn định và an toàn cho việc vận hành hệ thống, tạo ra nhiều tiện ích cho nhà đầu tư.
- Tạo được uy tín, chất lượng trong phục vụ khách hàng
- Đẩy mạnh hoạt động quản lý rủi ro, kiểm soát chặt chẽ quy trình thực hiện giao dịch.
- Phát triển ổn định và bền vững dựa trên các nguyên tắc kinh doanh đã đề ra.

3. Báo cáo tài chính

024-C
CP
OÁ
T
VGHF



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014



Nghệ An, Tháng 3 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	02-03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-26

2023/05/25/2023

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Thái Thị Nga	Chủ tịch
Bà Thái Hương	Phó Chủ tịch
Ông Đặng Thái Nguyên	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đặng Thái Nguyên	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Tâm	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng với Công ty chứng khoán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 21 tháng 3 năm 2015

Số: 30/2015/BCKT-UHY ACA MT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21/3/2015, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng với Công ty chứng khoán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng với Công ty chứng khoán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 25/3/2014.



Nguyễn Anh Dũng
Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1379-2014-112-1

Nguyễn Duy Tuấn
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1951-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA
- Chi nhánh Miền Trung
Nghệ An, ngày 21 tháng 3 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B01-CTCK

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		38.863.920.504	46.209.852.488
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	37.257.168.158	44.618.002.261
111	Tiền		13.711.400.470	15.311.001.015
112	Các khoản tương đương tiền		23.545.767.688	29.307.001.246
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		1.592.507.676	1.263.412.912
135	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	V.2	299.400.000	804.600.000
138	Các khoản phải thu khác	V.2	1.293.107.676	458.812.912
140	Hàng tồn kho		-	-
141	Hàng tồn kho		-	-
150	Tài sản ngắn hạn khác		14.244.670	328.437.315
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		14.066.250	-
154	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	2.837.254
158	Tài sản ngắn hạn khác		178.420	325.600.061
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		4.863.001.263	2.823.945.093
220	Tài sản cố định		1.948.342.750	1.306.973.993
221	Tài sản cố định hữu hình	V.4	1.493.806.425	681.304.381
222	Nguyên giá		3.420.114.848	2.361.024.848
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.926.308.423)	(1.679.720.467)
227	Tài sản cố định vô hình	V.5	454.536.325	625.669.612
228	Nguyên giá		1.260.867.750	1.260.867.750
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(806.331.425)	(635.198.138)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	-
260	Tài sản dài hạn khác		2.914.658.513	1.516.971.100
261	Chi phí trả trước dài hạn	V.6	141.992.567	190.454.354
263	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	V.7	2.772.665.946	1.326.516.746
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		43.726.921.767	49.033.797.581

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B01-CTCK
 Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.940.848.633	7.349.812.064
310	Nợ ngắn hạn		1.940.848.633	7.349.812.064
311	Vay và nợ ngắn hạn	V.8	1.000.000.000	4.861.833.334
312	Phải trả người bán		74.900.363	51.022.245
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.9	67.679.634	54.905.991
315	Phải trả người lao động		72.771.800	72.928.400
316	Chi phí phải trả	V.10	79.428.024	343.520.778
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		37.666.915	130.632.775
320	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	V.11	448.014.053	1.465.678.323
321	Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		22.771.730	105.930.150
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		137.616.114	263.360.068
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		41.786.073.134	41.683.985.517
410	Vốn chủ sở hữu	V.12	41.786.073.134	41.683.985.517
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		37.500.000.000	37.500.000.000
413	Vốn khác của chủ sở hữu		366.101.544	282.324.078
417	Quỹ đầu tư phát triển		352.208.701	282.324.078
418	Quỹ dự phòng tài chính		366.101.544	282.324.078
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.201.661.345	3.337.013.283
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		43.726.921.767	49.033.797.581

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B01-CTCK
Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
001	1. Tài sản cố định thuê ngoài		-	-
002	2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		-	-
003	3. Tài sản nhận ký cược		-	-
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
005	5. Ngoại tệ các loại		-	-
006	6. Chứng khoán lưu ký		76.808.340.000	94.202.130.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		75.843.520.000	90.746.090.000
009	6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		75.843.520.000	90.746.090.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		101.760.000	696.840.000
014	6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		101.760.000	696.840.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		863.060.000	2.759.200.000
029	6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		863.060.000	2.759.200.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		6.604.500.000	11.520.770.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		6.604.500.000	11.520.770.000
053	7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		6.604.500.000	11.520.770.000

Nguyễn Thị Thu Hằng
Người lập biểu

Nguyễn Hà Nam
Kế toán trưởng



Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 21 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B02-CTCK
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	Doanh thu	VI.1	5.697.950.622	5.240.891.791
	Trong đó:			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		2.616.088.295	1.667.320.730
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		-	-
01.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		-	-
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		-	-
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		500.198.000	-
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		156.063.739	110.076.407
01.7	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		-	-
01.8	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		-	-
01.9	Doanh thu khác		2.425.600.588	3.463.494.654
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)		5.697.950.622	5.240.891.791
11	Chi phí hoạt động kinh doanh	VI.2	4.221.657.904	3.546.473.850
20	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)		1.476.292.718	1.694.417.941
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.3	1.128.971.639	1.103.121.099
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - 25)		347.321.079	591.296.842
31	Thu nhập khác		-	-
32	Chi phí khác		-	338.401
40	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		-	(338.401)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		347.321.079	590.958.441
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.4	69.464.216	118.191.688
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		277.856.863	472.766.753
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.5	74	126

Nguyễn Thị Thu Hằng
Người lập biểu

Nguyễn Hà Nam
Kế toán trưởng



Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 21 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B03-CTCK

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Lợi nhuận trước thuế	347.321.079	590.958.441
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao TSCĐ	417.721.242	410.437.235
05	Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	(2.328.035.079)	(3.404.059.014)
06	Chi phí lãi vay	500.704.752	367.796.218
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	(1.062.288.006)	(2.034.867.120)
09	Tăng giảm các khoản phải thu	(3.673.123)	(10.312.812)
11	Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(1.249.276.601)	110.623.354
12	Tăng chi phí trả trước	34.395.537	(40.168.610)
13	Tiền lãi vay đã trả	(766.076.917)	(86.062.942)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(101.945.547)	(44.348.593)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(715.354.737)	(209.966.929)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(3.864.219.394)	(2.315.103.652)
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	(1.148.090.000)	(251.340.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.513.308.625	3.321.239.544
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	365.218.625	3.069.899.544
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	8.361.833.334	9.861.833.334
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(12.223.666.668)	(5.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(3.861.833.334)	4.861.833.334
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(7.360.834.103)	5.616.629.226
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	44.618.002.261	39.001.373.035
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	37.257.168.158	44.618.002.261

Nguyễn Thị Thu Hằng
Người lập biểu

Nguyễn Hà Nam
Kế toán trưởng



Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 21 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B05 - CTCK
Đơn vị tính: VND

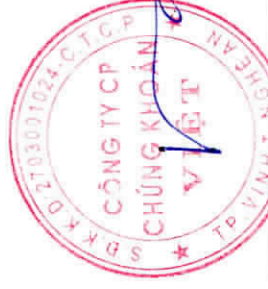
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm			Số dư cuối năm			
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay	Năm trước	Năm nay		
				Tăng	Giảm				Tăng	Giảm
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		37.500.000.000	37.500.000.000	-	-	-	-	-	37.500.000.000	37.500.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		282.324.078	282.324.078	-	-	83.777.466	-	-	282.324.078	366.101.544
7. Quỹ đầu tư phát triển		282.324.078	282.324.078	-	-	69.884.623	-	-	282.324.078	352.208.701
8. Quỹ dự phòng tài chính		282.324.078	282.324.078	-	-	83.777.466	-	-	282.324.078	366.101.544
10. Lợi nhuận chưa phân phối		2.902.146.530	3.337.013.283	472.766.753	37.900.000	277.856.863	413.208.801	3.337.013.283	3.337.013.283	3.201.661.345
Cộng		41.249.118.764	41.683.985.517	472.766.753	37.900.000	515.296.418	413.208.801	41.683.985.517	41.683.985.517	41.786.073.134



Nguyễn Thị Thu Hằng
Người lập biểu



Nguyễn Hà Nam
Kế toán trưởng



Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 21 tháng 3 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001024 ngày 23/10/2006 và thay đổi lần thứ 02 ngày 09/8/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp; Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 19/UBCK-GPHĐKD ngày 27/10/2006 và giấy phép điều chỉnh số 210/UBCK-GP ngày 16/3/2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư tài chính.

Trụ sở chính: Tầng 3, số 117, đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2014 là 12 người (tại ngày 31/12/2013 là 12 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng với Công ty chứng khoán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 162/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là: Nhật ký sổ cái.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng với Công ty chứng khoán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	03-05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04-10

5. Tài sản cố định vô hình

Mọi chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau mà không hình thành tài sản cố định hữu hình thì được coi là tài sản cố định vô hình: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn khi được giao đất hoặc số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau thì được tính vào nguyên giá tài sản cố định vô hình: (i) Chi phí này có khả năng làm cho tài sản cố định vô hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu; (ii) Chi phí được đánh giá một cách chắc chắn và gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Tài sản cố định vô hình khác	04-12

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

7. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư.

9. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả hệ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền.

10. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Công ty có nghĩa vụ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; (ii) Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và (iii) Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Doanh thu

Hoạt động môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán và lưu ký chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

Doanh thu hoạt động tư vấn

Doanh thu hoạt động tư vấn được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi kỳ phiếu ngân hàng... Doanh thu khác được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

13. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

14. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

15. Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty mẹ, các Công ty con của Công ty mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty; Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên quan này, những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

16. Công cụ tài chính

Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam có hiệu lực bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2011. Việc trình bày chi tiết về công cụ tài chính xem thuyết minh số VII.4.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Đơn vị tính: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Tiền mặt	223.015.819	26.965.627
Tiền gửi ngân hàng	12.276.969.762	14.580.942.387
Trong đó:		
- Tiền gửi ngân hàng của Công ty	11.876.825.762	13.169.842.387
- Tiền của Nhà đầu tư	400.144.000	1.411.100.000
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	1.211.414.889	703.093.001
Trong đó:		
- Tiền của Công ty	1.211.414.889	703.093.001
Các khoản tương đương tiền	23.545.767.688	29.307.001.246
Tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng (*)	23.545.767.688	29.307.001.246
Cộng	<u>37.257.168.158</u>	<u>44.618.002.261</u>

(*) Tại ngày 31/12/2014, khoản tiền gửi có kỳ hạn theo hợp đồng số 18964/08000077 với giá trị 10.000.000.000 đồng đang được sử dụng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại thuyết minh số V.8.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

Chi tiêu	Đầu năm			Phát sinh trong năm		Cuối năm			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Quá hạn	Khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Quá hạn	Khó đòi	
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	804.600.000	-	-	120.057.102.867	120.562.302.867	299.400.000	-	-	-
Các khoản phải thu khác (*)	458.812.912	-	-	1.608.634.685	774.339.921	1.293.107.676	-	-	-

(*) Các khoản phải thu khác:

	Cuối năm	Đầu năm
Lãi tiền gửi có kỳ hạn phải thu	897.545.924	82.819.470
Phải thu khác	395.561.752	375.993.442
Cộng	1.293.107.676	458.812.912

3. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
Của Nhà đầu tư Cổ phiếu	42.174.232	409.918.723.100
Cộng	42.174.232	409.918.723.100

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

4. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	2.243.161.467	117.863.381	2.361.024.848
Mua trong năm	-	1.059.090.000	1.059.090.000
Số dư cuối năm	2.243.161.467	1.176.953.381	3.420.114.848
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng</i>	1.024.558.778	117.863.381	1.142.422.159
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	1.561.857.086	117.863.381	1.679.720.467
Khấu hao trong năm	237.762.206	8.825.750	246.587.956
Số dư cuối năm	1.799.619.292	126.689.131	1.926.308.423
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	681.304.381	-	681.304.381
Tại ngày cuối năm	443.542.175	1.050.264.250	1.493.806.425
<i>Trong đó:</i>			
<i>Tài sản dùng để cầm cố, thế chấp</i>	-	-	-
<i>Tài sản tạm thời không được sử dụng</i>	-	-	-
<i>Tài sản đang chờ thanh lý</i>	-	-	-

5. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	1.260.867.750	1.260.867.750
Số dư cuối năm	1.260.867.750	1.260.867.750
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	635.198.138	635.198.138
Khấu hao trong năm	171.133.287	171.133.287
Số dư cuối năm	806.331.425	806.331.425
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	625.669.612	625.669.612
Tại ngày cuối năm	454.536.325	454.536.325

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

6. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	190.454.354	69.579.091
Phát sinh tăng trong năm	89.000.000	262.076.911
Phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(137.461.787)	(141.201.648)
Số dư cuối năm	<u>141.992.567</u>	<u>190.454.354</u>

7. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền nộp ban đầu (gốc và lãi)	1.326.516.746	1.118.335.037
Tiền nộp bổ sung	1.304.929.801	76.038.209
Tiền lãi phân bổ trong năm	141.219.399	132.143.500
Số dư cuối năm	<u>2.772.665.946</u>	<u>1.326.516.746</u>

8. Vay và nợ ngắn hạn

Đối tượng	Đầu năm	Vay trong năm	Trả trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn:				
Ngân hàng TMCP Bắc Á	4.861.833.334	7.361.833.334	12.223.666.668	-
Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Hàng Đậu (*)	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Cộng	4.861.833.334	8.361.833.334	12.223.666.668	1.000.000.000

(*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bắc Á – Chi nhánh Hàng Đậu theo Hợp đồng vay số 56203/HĐTD ngày 30/10/2014, thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất trong hạn là 9,5%/năm, thế chấp bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 18964/08000077.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng	50.022.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.832.036	38.313.367
Thuế thu nhập cá nhân	11.825.598	16.592.624
Cộng	<u>67.679.634</u>	<u>54.905.991</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10. Chi phí phải trả

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	16.361.111	281.733.276
Chi phí phải trả khác	63.066.913	61.787.502
Cộng	<u>79.428.024</u>	<u>343.520.778</u>

11. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Phải trả cho khách hàng giao dịch chứng khoán	400.144.000	1.411.100.000
Phải trả cho tổ chức, cá nhân khác	47.870.053	54.578.323
Cộng	<u>448.014.053</u>	<u>1.465.678.323</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

12. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
NĂM TRƯỚC						
Số dư đầu năm	37.500.000.000	282.324.078	282.324.078	282.324.078	2.902.146.530	41.249.118.764
Lãi trong năm	-	-	-	-	472.766.753	472.766.753
Giảm khác	-	-	-	-	(37.900.000)	(37.900.000)
Số dư cuối năm	37.500.000.000	282.324.078	282.324.078	282.324.078	3.337.013.283	41.683.985.517
NĂM NAY						
Số dư đầu năm	37.500.000.000	282.324.078	282.324.078	282.324.078	3.337.013.283	41.683.985.517
Lãi trong năm	-	-	-	-	277.856.863	277.856.863
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	83.777.466	69.884.623	83.777.466	-	237.439.555
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	(377.208.801)	(377.208.801)
Giảm khác (**)	-	-	-	-	(36.000.000)	(36.000.000)
Số dư cuối năm	37.500.000.000	366.101.544	352.208.701	366.101.544	3.201.661.345	41.786.073.134

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

(*) Trong năm 2014, Công ty phân phối lợi nhuận như sau:

	Số tiền
(1) Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2012, 2013 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	349.423.115
+ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (5%)	69.884.623
+ Quỹ dự phòng tài chính (5%)	69.884.623
+ Quỹ đầu tư phát triển (5%)	69.884.623
+ Quỹ khen thưởng (5%)	69.884.623
+ Quỹ phúc lợi (5%)	69.884.623
(2) Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2014 theo Thông tư 146/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ	27.785.686
+ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (5%)	13.892.843
+ Quỹ dự phòng tài chính (5%)	13.892.843
Cộng	377.208.801

(**) Chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị không chuyên trách.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ (%)	Đầu năm	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của Tổ chức	4.000.000.000	10,67	4.000.000.000	10,67
- Ngân hàng TMCP Bắc Á	4.000.000.000	10,67	4.000.000.000	10,67
Vốn góp của cá nhân	33.500.000.000	89,33	33.500.000.000	89,33
- Thái Thị Nga	4.000.000.000	10,67	4.000.000.000	10,67
- Thái Hương	4.000.000.000	10,67	4.000.000.000	10,67
- Đặng Thái Nguyên	4.000.000.000	10,67	4.000.000.000	10,67
- Thái Doãn Sơn	4.000.000.000	10,67	4.000.000.000	10,67
- Trương Thị Kim Thư	4.000.000.000	10,67	4.000.000.000	10,67
- Hồ Thị Vinh	4.000.000.000	10,67	4.000.000.000	10,67
- Nguyễn Hà Nam	2.000.000.000	5,33	2.000.000.000	5,33
- Nguyễn Trọng Trung	3.200.000.000	8,53	3.200.000.000	8,53
- Thái Thị Lương	2.800.000.000	7,46	2.800.000.000	7,46
- Thái Doãn Lộc	1.000.000.000	2,66	1.000.000.000	2,66
- Trần Thanh Tùng	500.000.000	1,33	500.000.000	1,33
Cộng	37.500.000.000	100,00	37.500.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	37.500.000.000	37.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	37.500.000.000	37.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

d) *Cổ phiếu*

	<u>Cuối năm</u> <i>Cổ phiếu</i>	<u>Đầu năm</u> <i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.750.000	3.750.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.750.000	3.750.000
Cổ phiếu phổ thông	3.750.000	3.750.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.750.000	3.750.000
Cổ phiếu phổ thông	3.750.000	3.750.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* *Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND*

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Đơn vị tính: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	2.616.088.295	1.667.320.730
Doanh thu lưu ký chứng khoán cho Nhà đầu tư	156.063.739	110.076.407
Doanh thu hoạt động tư vấn	500.198.000	-
Doanh thu khác	2.425.600.588	3.463.494.654
- <i>Doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi tiền gửi và phát vay Quý hỗ trợ thanh toán</i>	2.328.035.079	3.404.059.014
- <i>Doanh thu hoạt động khác</i>	97.565.509	59.435.640
Cộng	5.697.950.622	5.240.891.791

2. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	2.883.981.064	3.093.274.281
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	374.862.270	85.403.351
Chi phí hoạt động tư vấn	462.109.818	-
Chi phí lãi vay	500.704.752	367.796.218
Cộng	4.221.657.904	3.546.473.850

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	486.781.000	531.456.623
Chi phí vật liệu quản lý	85.351.174	49.691.615
Thuế, phí, lệ phí	8.931.700	8.441.700
Chi phí dịch vụ mua ngoài	324.157.392	319.566.121
Chi phí khác	223.750.373	193.965.040
Cộng	1.128.971.639	1.103.121.099

4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.1. Thuế suất

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

4.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	347.321.079	590.958.441
Lợi nhuận trước thuế trước điều chỉnh lỗ năm trước	347.321.079	590.958.441
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	347.321.079	590.958.441
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	69.464.216	118.191.688

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế	277.856.863	472.766.753
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	277.856.863	472.766.753
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	3.750.000	3.750.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	74	126

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

(Đơn vị tính: VND)

1. Thông tin về các bên liên quan

Nghiệp vụ với các bên liên quan:

Trong năm Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với Ngân hàng TMCP Bắc Á – là Cổ đông sáng lập nắm giữ 10,67% vốn của Công ty. Cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền gửi Ngân hàng		
- Phát sinh tăng	560.388.653.255	351.441.977.091
- Phát sinh giảm	568.380.938.103	345.410.876.417
Thanh toán giá trị trái phiếu thông qua Công ty	24.179.293.933.559	13.312.196.229.745
Vay tiền	8.300.000.000	5.000.000.000
Trả tiền vay	12.223.666.668	9.800.000.000
Chi phí lãi vay nhập gốc	61.833.334	61.833.334
Chi phí lãi vay	500.704.752	367.796.218
Lãi vay đã trả	766.076.917	86.062.942
Chi phí thuê văn phòng	480.000.000	307.200.000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	156.063.739	110.076.407
Doanh thu phí chuyển tiền	70.400.000	61.599.400

Số dư với các bên liên quan

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Bắc Á		
Tiền gửi Ngân hàng	35.560.247.007	43.552.531.855
Phải thu lãi tiền gửi	897.545.924	82.819.470
Phải trả lãi tiền vay	16.361.111	213.149.943
Vay ngắn hạn	1.000.000.000	4.861.833.334
Tổng Giám đốc		
Tạm ứng	-	325.600.061

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	443.000.000	370.400.000

2. Các khoản công nợ tiềm tàng

Không có khoản công nợ tiềm tàng nào khác cần điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

4. Công cụ tài chính

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

4.1. Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.257.168.158	44.618.002.261
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.592.507.676	1.263.412.912
Cộng	38.849.675.834	45.881.415.173
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	1.000.000.000	4.861.833.334
Phải trả người bán và phải trả khác	135.339.008	287.585.170
Chi phí phải trả	79.428.024	343.520.778
Cộng	1.214.767.032	5.492.939.282

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

4.2. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

4.3. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

4.3.1 Quản lý rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa VND và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

4.3.2 Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

4.3.3 Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

4.3.4 Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH				
Số dư cuối năm				
Vay và nợ	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	135.339.008	-	-	135.339.008
Chi phí phải trả	79.428.024	-	-	79.428.024
Cộng	1.214.767.032	-	-	1.214.767.032
Số dư đầu năm				
Vay và nợ	4.861.833.334	-	-	4.861.833.334
Phải trả người bán và phải trả khác	287.585.170	-	-	287.585.170
Chi phí phải trả	343.520.778	-	-	343.520.778
Cộng	5.492.939.282	-	-	5.492.939.282
TÀI SẢN TÀI CHÍNH				
Số dư cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.257.168.158	-	-	37.257.168.158
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.592.507.676	-	-	1.592.507.676
Cộng	38.849.675.834	-	-	38.849.675.834
Số dư đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.618.002.261	-	-	44.618.002.261
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.263.412.912	-	-	1.263.412.912
Cộng	45.881.415.173	-	-	45.881.415.173

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

4. Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận bởi vì Công ty không có các lĩnh vực kinh doanh mà lĩnh vực này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các lĩnh vực kinh doanh khác, đồng thời Công ty cũng không có chi nhánh.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ.

Một số số liệu của Thuyết minh Công cụ tài chính kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này như sau:

	Tại ngày 31/12/2013	
	Trước khi phân loại lại	Sau khi phân loại lại
Tài sản tài chính		
Tài sản tài chính khác	328.437.315	-
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	2.144.457.952	287.585.170

Nguyễn Thị Thu Hằng
Người lập biểu

Nguyễn Hà Nam
Kế toán trưởng



Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 21 tháng 3 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

Vinh, ngày 31 tháng 03 năm 2014

T/M CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG THÁI NGUYÊN